

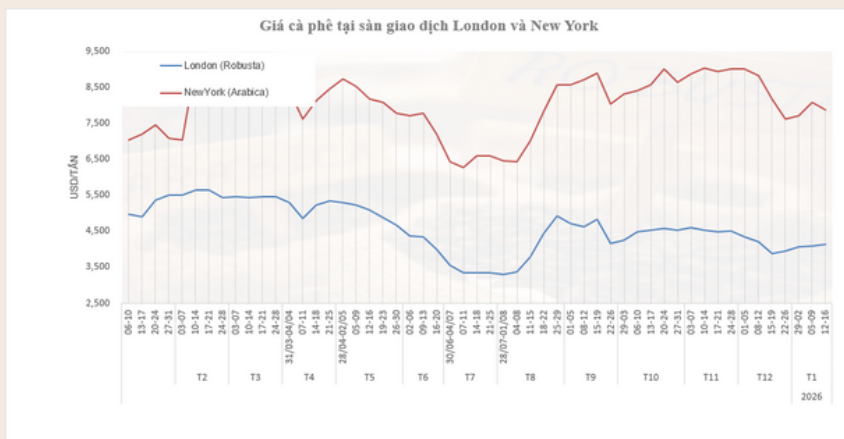
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên sàn New York và tăng trên sàn London trong tuần từ 12/01/2025 - 16/01/2026.
- Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 11/2025 đạt 10,47 triệu bao, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo UCDA, xuất khẩu cà phê của Uganda tháng 11/2025 đạt 640.328 bao, tăng 60,33% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo ECTA, xuất khẩu cà phê của Ethiopia trong năm tài khóa 7/2024 - 7/2025 đạt 7,81 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 12/1/2026 đến 16/01/2026, giá cà phê thế giới biến động trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 01/2026 tại thị trường London bình quân đạt 4.147 USD/tấn, tăng 1,1% so với tuần trước và giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.203 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.092 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2026 bình quân đạt 7.884 USD/tấn, giảm 2,6% so với tuần trước, và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.942 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.848 USD/tấn.[1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 11/2025 đạt 10,47 triệu bao, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước, qua đó đưa tổng lượng xuất khẩu lũy kế trong hai tháng đầu của niên vụ cà phê 2025/2026 (10/2025-9/2026) lên 21,57 triệu bao, cao hơn 1,8% so với cùng kỳ niên vụ trước.[2]

Khu vực Nam Mỹ ghi nhận sụt giảm, với lượng xuất khẩu trong tháng 11 giảm 14,9% so với cùng kỳ, đạt 5,04 triệu bao, trong đó Brazil – quốc gia xuất khẩu chủ lực của khu vực – giảm mạnh tới 25,80%. [2]

Ngược lại, xuất khẩu của khu vực châu Á tăng đột biến. Tổng xuất khẩu của Việt Nam, Ấn Độ và Indonesia đạt 3,63 triệu bao

tăng 47% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ Việt Nam tăng 60,1%, đạt 1,92 triệu bao trong tháng 11/2025. Diễn biến này phản ánh sự phục hồi sản xuất theo chu kỳ và sự hỗ trợ từ tồn kho sau ba niên vụ liên tiếp có sản lượng thấp tại Việt Nam.[2]

Khu vực Trung Mỹ và Mexico, xuất khẩu cà phê Arabica chế biến ướt truyền thống trong tháng 11 tăng nhẹ 1,2%, đạt 391 nghìn bao.[2]

Khu vực châu Phi ghi nhận xuất khẩu tăng 7,7% so với cùng kỳ, đạt 1,41 triệu bao, đi đầu là cà phê Arabica Ethiopia và Robusta Uganda.[2]



UGANDA

Theo báo cáo của Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA), xuất khẩu cà phê của Uganda trong tháng 11/2025 đạt 640.328 bao, tăng 60,33% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, cà phê Robusta đạt 510.091 bao, tăng 49,66%, còn Arabica đạt 130.237 bao, tăng mạnh 122,47%. UCDA cho biết mức tăng đột biến này chủ yếu xuất phát từ sản lượng cà phê gia tăng do thời điểm thu hoạch bước vào cao điểm tại các vùng Trung và Đông Uganda.[3]

Tính lũy kế hai tháng đầu niên vụ cà phê 2025/2026 (10/2025-9/2026), tổng lượng xuất khẩu đạt 1.326.048 bao, cao hơn 47,96% so với cùng kỳ niên vụ trước. Song song với sự gia tăng về khối lượng, giá trị xuất khẩu trong tháng 11 cũng tăng 70,85%, đạt 185,99 triệu USD, phản ánh cả yếu tố sản lượng lẫn cải thiện về giá.[3]

Uganda hiện là quốc gia sản xuất Robusta lớn nhất châu Phi và là nước xuất khẩu Robusta lớn thứ tư sang các thị trường tiêu dùng không sản xuất.

Sản lượng niên vụ 2025/2026 ước đạt 7,5 triệu bao cà phê nhân, tăng 11,95%, trong đó Robusta chiếm khoảng 6,4 triệu bao và Arabica khoảng 1,1 triệu bao.[3]

ETHIOPIA

Theo báo cáo của Cơ quan Quản lý Trà và Cà phê Ethiopia (ECTA), xuất khẩu cà phê của Ethiopia trong năm tài khóa kết thúc tháng 7/2025 đạt 7,81 triệu bao, tăng mạnh so với mức 5 triệu bao của năm tài khóa trước. Nhờ kết quả này, kim ngạch xuất khẩu cà phê đạt 2,65 tỷ USD, vượt xa kỷ lục 1,40 tỷ USD đã ghi nhận trước đó, qua đó khẳng định vai trò trung tâm của cà phê trong cơ cấu xuất khẩu nông sản của Ethiopia.[4]

Trong năm tài khóa 7/2025-7/2026, ECTA đặt mục tiêu đầy tham vọng xuất khẩu 10 triệu bao và đạt doanh thu 3 tỷ USD. Tuy nhiên, triển vọng thực hiện mục tiêu này có thể đối mặt với nhiều sức ép do tồn kho chuyển sang hạn chế sau niên vụ xuất khẩu kỷ lục 2024/2025, mức tiêu thụ nội địa ước khoảng 3,50 triệu bao, trong khi sản lượng niên vụ 2025/2026 chỉ đạt khoảng 7,85 triệu bao.[4]

Các thị trường xuất khẩu chủ lực của Ethiopia gồm Saudi Arabia, Hàn Quốc, Đức và Nhật bản, đồng thời các thị trường tiêu thụ mới nổi như Trung Quốc, UAE và Nam Sudan đang ngày càng gia tăng vai trò trong cơ cấu xuất khẩu cà phê của Ethiopia.[4]

JAMAICA

Sự kiện thường niên “Jamaica Blue Mountain Coffee Day”, tổ chức ngày 9/01/2026 bắt đầu bằng việc khởi động chương trình tái canh và phục hồi quy mô lớn tại khu vực Núi Xanh với chủ đề “Bén rễ để phục hồi: Cùng nhau tái thiết”. Chương trình nhằm khôi phục các nông trại cà phê của Jamaica bị tàn phá nặng nề bởi bão Melissa trong năm 2025, đồng thời tăng cường khả năng phục hồi bền vững cho vùng cà phê đặc sản trọng điểm của quốc gia. Bộ trưởng Nông nghiệp Jamaica, ông Floyd Green, nhấn mạnh rằng người nông dân là nền tảng cốt lõi của cà phê Blue Mountain và việc hỗ trợ họ tái thiết, sớm quay trở lại sản xuất ổn định là trách nhiệm trung tâm của Chính phủ. Theo Tiến sĩ Norman Grant, Chủ tịch Hiệp hội Xuất khẩu Cà phê Jamaica, bão Melissa đã làm thiệt hại khoảng 100.000 thùng cà phê trong niên vụ 2025/2026. Với hơn 80% sản lượng cà phê Blue Mountain được xuất khẩu, Chính phủ Jamaica khẳng định việc bảo vệ uy tín và danh tiếng của sản phẩm có ý nghĩa then chốt đối với thu nhập của nông hộ và nguồn thu ngoại tệ quốc gia.[5]

COCA-COLA DỪNG BÁN COSTA COFFEE

Coca-Cola đã quyết định dừng kế hoạch bán chuỗi cà phê Costa Coffee sau khi các đề nghị từ các quỹ đầu tư tư nhân không đạt kỳ vọng định giá khoảng 2 tỷ bảng Anh. Quá trình đấu giá, do ngân hàng đầu tư Lazard tư vấn, được khởi động từ giữa năm 2025 nhưng đã bị chấm dứt vào tháng 12 khi Coca-Cola ngừng đàm phán với các bên mua tiềm năng. Trước đó, tập đoàn này từng mua Costa Coffee từ Whitbread với giá 3,9 tỷ bảng Anh vào năm 2018, kỳ vọng mở rộng mạnh mẽ đồ uống nóng. Tuy nhiên, Costa Coffee gặp nhiều khó khăn do chi phí đầu vào tăng cao, đặc biệt là giá cà phê nhân, cùng với cạnh tranh gay gắt trên thị trường bán lẻ tại Anh. Trong năm tài chính 2024, doanh thu của Costa đạt 1,2 tỷ bảng, chỉ tăng 1% so với năm trước, trong khi lỗ hoạt động mở rộng lên 13,5 triệu bảng. Diễn biến này cho thấy áp lực ngày càng lớn đối với các chuỗi cà phê quy mô lớn trong bối cảnh chi phí leo thang và hành vi tiêu dùng thay đổi.[6]

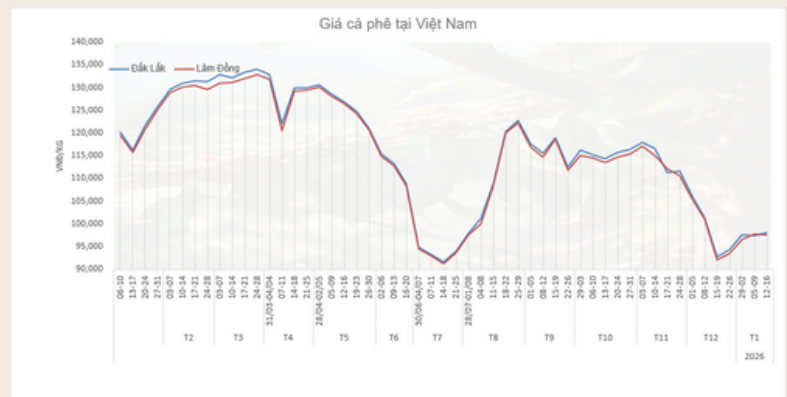




ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng giảm và Đắk Lắk tăng so với tuần trước.
- Xuất khẩu cà phê Việt Nam năm 2026 khó lặp lại mức kỷ lục 8,9 tỷ USD đã đạt được trong năm 2025, khi yếu tố giá không còn đóng vai trò hỗ trợ mạnh như trước.
- Trước áp lực EUDR, Sơn La kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc về dữ liệu và truy xuất nguồn gốc cà phê phục vụ xuất khẩu sang EU.
- Giai đoạn 2021–2025, toàn tỉnh Lâm Đồng đã tái canh trên 45.600 ha cà phê.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 12/01/2026 đến ngày 16/01/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk biến động so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 98.113 VNĐ/kg, tăng 0,6% so với tuần trước, và giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 98.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 97.433 VNĐ/kg.[1] Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 97.660 VNĐ/kg, giảm 0,1% so với tuần trước, và giảm 15,6% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 98.500 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 97.000 VNĐ/kg. [1]

GIÁ CÀ PHÊ GIẢM TRONG NĂM 2026

Giá cà phê có xu hướng hạ nhiệt đang làm gia tăng khả năng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Tuy nhiên, năm 2026 khó lặp lại mức kỷ lục 8,9 tỷ USD đã đạt được trong năm 2025, khi yếu tố giá không còn đóng vai trò hỗ trợ mạnh như trước. Theo số liệu của Cục Hải quan, năm 2025 Việt Nam xuất khẩu 1,59 triệu tấn cà phê, tăng 18,3% về lượng và 58,8% về kim ngạch, nhờ mặt bằng giá xuất khẩu bình quân đạt 5.661 USD/tấn, cao hơn gần 40% so với năm 2024. Tuy nhiên, bước sang niên vụ 2025/2026, giá cà phê trên thị trường thế giới và trong nước đều điều chỉnh giảm, phản ánh kỳ vọng nguồn cung toàn cầu dồi dào hơn. Báo cáo của USDA cho thấy sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2025–2026 dự kiến đạt mức kỷ lục 178,8 triệu bao, vượt xa mức tiêu thụ 173,9 triệu bao, trong đó sản lượng Robusta tăng mạnh nhờ sự phục hồi tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, dù nhu cầu tiêu thụ toàn cầu vẫn tăng, dư địa tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam năm 2026 nhiều khả năng bị thu hẹp.[2]

SƠN LA

Trước áp lực triển khai EUDR, tỉnh Sơn La đã kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến dữ liệu và truy xuất nguồn gốc cà phê nhằm bảo đảm khả năng xuất khẩu sang EU. Tại buổi làm việc ngày 12/1, các bên tập trung thảo luận tình trạng mở rộng diện tích vùng trồng cà phê, chênh lệch số liệu giữa thống kê và thực tế, cũng như yêu cầu kỹ thuật của EUDR. Việt Nam được xếp vào nhóm rủi ro thấp đối với cà phê, với tỷ lệ kiểm tra dự kiến khoảng 1%, song việc thiếu thống nhất dữ liệu bản đồ rừng và vùng trồng là cần thiết để gia tăng khả năng tuân thủ.

Sơn La ghi nhận diện tích cà phê tăng mạnh trong giai đoạn giá cao, đạt hơn 33.600 ha vào cuối năm 2025. Trên cơ sở đó, các cơ quan chuyên môn đề xuất xây dựng nền tảng dữ liệu trực tuyến, chồng xếp bản đồ vùng trồng với ranh giới rừng theo mốc 31/12/2020, kết hợp cấp chứng nhận theo chuỗi liên kết. Sơn La được đề xuất làm địa phương thí điểm nhằm chuẩn hóa dữ liệu và tăng mức độ đáp ứng EUDR.[3]

LÂM ĐỒNG

Ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Lâm Đồng đang đẩy mạnh tái canh hai cây công nghiệp chủ lực là cà phê nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng. Giai đoạn 2021–2025, toàn tỉnh đã tái canh trên 45.600 ha cà phê thông qua trồng mới và ghép cải tạo, qua đó tạo chuyển biến rõ rệt về hiệu quả sản xuất. Thực tiễn cho thấy các vườn cà phê tái canh bằng giống mới có khả năng kháng bệnh tốt hơn, năng suất và chất lượng hạt vượt trội so với giống cũ. Năng suất bình quân cà phê toàn tỉnh đã tăng từ khoảng 2,6 tấn/ha lên trên 3,1 tấn/ha, nhiều mô hình chăm sóc tốt đạt 5–6 tấn/ha. Song song với gia tăng năng suất, chất lượng cà phê nhân được cải thiện đáng kể, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia sâu hơn vào các phân khúc thị trường giá trị cao. Quá trình tái canh được triển khai gắn với xây dựng chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ, góp phần chuyển dịch tư duy phát triển từ chú trọng sản lượng sang ưu tiên chất lượng và giá trị, qua đó nâng cao thu nhập và đời sống cho người trồng cà phê, đặc biệt tại khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.[4]

GIA LAI

Mùa cà phê chín tại Gia Lai không chỉ đánh dấu thời điểm thu hoạch cao điểm mà còn mở ra sinh kế quan trọng cho hàng nghìn lao động thời vụ, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số và lao động nghèo từ các địa phương lân cận như Quảng Ngãi. Khi giá cà phê duy trì ở mức khá, nhu cầu lao động thu hái gia tăng, tạo cơ hội việc làm ngắn hạn với thu nhập tương đối ổn định. Trung bình mỗi lao động có thể thu hái 3–4 tạ cà phê mỗi ngày, với mức thu nhập khoảng 400.000 VNĐ, giúp nhiều hộ tích lũy được 8–10 triệu VNĐ sau một vụ. Nguồn thu này đóng vai trò quan trọng trong việc trang trải chi tiêu gia đình và bù đắp khoảng trống việc làm trong mùa nông nhàn tại quê nhà. Ở góc độ chuỗi giá trị, lao động thu hái là mắt xích thiết yếu bảo đảm tiến độ và chất lượng nguyên liệu đầu vào cho ngành cà phê. Việc chính quyền địa phương phối hợp với doanh nghiệp trong quản lý, hỗ trợ điều kiện sinh hoạt và tuyên truyền an toàn lao động góp phần ổn định nguồn nhân lực thời vụ, qua đó hỗ trợ phát triển bền vững ngành cà phê Tây Nguyên.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Địa phương	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	97,200	97,000	97,700	97,900	98,500	97,660	-140
Di Linh	97,200	97,000	97,700	97,900	98,500	97,660	-140
Lâm Hà	97,200	97,000	97,700	97,900	98,500	97,660	-140
Bảo Lộc	97,200	97,000	97,700	97,900	98,500	97,660	-140
ĐẮK LẮK	97,433	97,433	98,333	98,433	98,933	98,113	620
Cư M'gar	97,500	97,500	98,400	98,500	99,000	98,180	620
Ea H'leo	97,400	97,400	98,300	98,400	98,900	98,080	620
Buôn Hồ	97,400	97,400	98,300	98,400	98,900	98,080	620
GIA LAI	97,433	97,433	98,233	98,433	98,933	98,093	-100
Chư Prông	97,500	97,500	98,300	98,500	99,000	98,160	-100
Pleiku	97,400	97,400	98,200	98,400	98,900	98,060	-100
La Grai	97,400	97,400	98,200	98,400	98,900	98,060	-100
QUẢNG NGÃI	97,400	97,400	98,200	98,400	98,900	98,060	-100
Kon Tum	97,400	97,400	98,200	98,400	98,900	98,060	-100

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.ico.org>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://www.iandmsmith.com>
- [5]: <https://www.gcrmag.com>
- [6]: <https://www.theguardian.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
- [3]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
- [4]: <https://baolamdong.vn>
- [5]: <https://nhandan.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả